Địa điểm tập trung CBCT **Thời gian tập trung CBCT và SV**

A2: Homies tầng 5 A2 **Ca 1: 07g30 tập trung, 08g00 tính giờ làm bài**

B3: Homies tầng 2 B3 **Ca 2: 09g30 tập trung, 10g00 tính giờ làm bài**

C1, C2: Phòng giáo viên tầng 2 - C1 **Ca 3: 13g00 tập trung, 13g30 tính giờ làm bài**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

LỊCH THI MÔN CHUNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

(Theo thông báo số: 437 /TB-ĐHNN ngày 02 / 04 /2024)

Lịch thi QH2020, QH2021, QH2022 từ ngày 20/5 đến 13/6/2024

TT	Mã môn thi	Môn thi	Số TC	Đối tượng thi / Khóa - Số lượng (bao gồm cả học lại) / Số lượt Thư ký điều động / Số lượt CBCT điều động	Hình thức thi	Số lượng sv	Ca thi	Ngày thi	Số phòng thi	Địa điểm	Đơn vị làm Thư ký	CÁN BỘ COI THI ĐIỀU ĐỘNG																
												Số lượng	CBCT	K SPTA	K CCNTA	K. TA	K. NGA	K. PHÁP	K. TQ	K. ĐỨC	K. NHẬT	K. HQ	Ả Rập	Tin học	Bm CSVHVN	Bm TLGD	CN ĐNA	ĐH KH XH&NV
												19	129	25	5	4	5	8	10	10	21	11	0	0	0	0	0	30
1	**POL1001**	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	QH2021 về trước	Thi trực tiếp	**84**	**2**	Thứ Năm 23.05.2024	**3**	602,603,604-A2	Pháp	**1**	**3**								3							
2	**HIS1001**	Lịch sử Đảng CSVN	2	QH2021	Thi trực tiếp	**1377**	**1**	Thứ Sáu 24.05.2024	**57**	HĐ1: 601,602,608,702,703,704,706,707,708,801,802,803,804,806,807-A2 (15 phòng-Homie tầng 5)	Hàn	**2**	**16**								1							15
										HĐ2: 102,103,104,105,106,202,204,205,206,302,304,305-B3 (12 phòng-Homie tầng 2)	Đức	**2**	**13**	10							3							
										HĐ3: 101,102,103,105,106,107,108,201,202,203,204,205,206,207,208,303,304,305,306,307,308,401,402,403,404,405,406,407,HT1,HT3-C1 (30 phòng-Phòng GV tầng 2)	SPTA 2 CNNTA 1 Pháp 1	**4**	**31**	\	s	4		5	5	5	6	6						
3	**PHI1002**	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	QH2022	Thi trực tiếp	**1523**	**2**	Thứ Sáu 24.05.2024	**63**	HĐ1: 601,602,608,702,703,704,706,707,708,710,711,801,802,803,804,806,807,808,810,811-A2 (21 phòng-Homie tầng 5-811=2 phòng)	Nga: 1 Ả Rập:1 SPTA1 Pháp 1	**4**	**21**								6							15
										HĐ2: 102,103,104,105,106,202,204,205,206,302,303,304-B3 (12 phòng-Homie tầng 2)	Trung	**2**	**13**	13													
										HĐ3: 101,102,103,105,106,107,108,201,202,203,204,205,206,207,208,303,304,305,306,307,308,401,402,403,404,405,406,407,HT1,HT3-C1 (30 phòng-Phòng GV tầng 2)	Nhật:2 SPTA 2	**4**	**32**	2	5		5	3	5	5	2	5						
4	**ENG3091**	Biên - Phiên dịch Anh - Việt cơ bản	3	QH2021 CLC TT23 Nhật, Trung	Tiểu luận (KTA)	321																						
5	**TOU3017**	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	QH2021, QH2020, QH2019 CLCTT23 Anh	Tiểu luận (mời giảng)																							
6	**ENG3087**	Giao tiếp văn hóa và giải quyết xung đột	3	QH2021 CLCTT23 Pháp, Trung, Đức, Nhật, Anh	Tiểu luận (KTA)	264																						
7	**TOU3013**	Hướng dẫn du lịch	3	QH2021 và các khóa trước khoa Ngạ định hướng Du lịch	Tiểu luận (mời giảng)																							
8	**INE2020**	Kinh tế quốc tế	3	QH2021, QH2020	Tiểu luận (BMKT)	214																						
9	**ENG2046*** **	Kinh tế vi mô-Kinh tế vĩ mô	3	QH2021 , QH2020, QH2019 CLCTT23 Anh	Tiểu luận (BMKT)	12																						
10	**ENG3088**	Kỹ năng thuyết trình	3	QH2021 CLCTT23 Pháp, Trung, Đức, Nhật, Anh	Tiểu luận (KTA)	86																						
11	**HIS1053****	Lịch sử Văn minh thế giới	3	QH2022	Tiểu luận(BM NN&VH CNĐNA)	173																						
12	**BSA2002**	Nguyên lý Marketing	3	QH2021 Anh, Đức CLCTT23	Tiểu luận (BM KT)	455																						
13	**TOU2001**	Nhập môn khoa học du lịch	3	QH2021 CLCTT23 Đức	Tiểu luận (mời giảng)	84																						
14	**PSF3010**	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	QH2021 CLC ngành SPTA	Tiểu luận (BM Tâm lý GD)	26																						
15	**FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	QH2021 CLCTT23 ngành NN Pháp	Khoa Pháp xây dựng lịch thi và tổ chức thi cho sinh viên																							
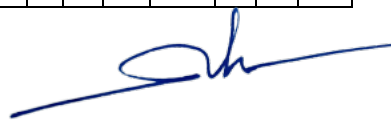
TT	Mã môn thi	Môn thi	Số TC	Đối tượng thi Khóa - Số lượng (bao gồm cả học lại) Số lượt Thư ký điều động Số lượt CBCT điều động	Hình thức thi	Số lượng sv	Ca thi	Ngày thi	Số phòng thi	Địa điểm	Đơn vị làm Thư ký	CÁN BỘ COI THI ĐIỀU ĐỘNG Số lượng	CBCT	K SPTA	K CCNTA	K. TA	K. NGA	K. PHÁP	K. TQ	K. ĐỨC	K. NHẬT	K. HQ	À Rập	Tin học	Bm CSVHVN	Bm TLGD	CN ĐNA	ĐH KH XH&NV
												19	129	25	5	4	5	8	10	10	21	11	0	0	0	0	0	30
16	**FLF1002****	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	QH2022	Tiểu luận (BM Tâm lý GD)	79																						
17	**FLF1002****	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	QH2021 ngành Sư phạm CLC	Khoa SPTA xây dựng lịch thi và tổ chức thi cho sinh viên																							
19	**PSF3006**	Quản lí HCNN và QL ngành GD đào tạo	2	QH2021 ngành Sư phạm	Tiểu luận (BM Tâm lý GD)	238																						
20	**TOU2009**	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	QH2021, 2021 Nga định hướng Du lịch	Tiểu luận (mời giảng)																							
21	**BSA2006**	Quản trị nguồn nhân lực	3	QH2021 Anh CLCTT23 , QH2020 Pháp CLC TT23	Tiểu luận (BM KT)	458																						
22	**PSF3007**	Tâm lý học	3	QH2022 ngành Sư phạm	Tiểu luận (BM Tâm lý GD)	225																						
23	**FLF1053**	Thiết kế cuộc đời	3	QH2022 Các khoa ngoài khoa SPTA	Thuyết trình cuối khóa (BM khai phóng)	44																						
24	**FLF1059**	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	QH2022	Tiểu luận (BM Tâm lí giáo dục)	14																						
25	**ENG3089**	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	QH2021 CLCTT23 Pháp, Trung, Đức, Nhật, Anh	Tiểu luận (KTA)	38																						
26	**ENG3090**	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	QH2021 CLCTT23 Pháp, Trung, Đức, Nhật	Tiểu luận (KTA)	50																						
27	**FLF1005**	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	QH2022	Tiểu luận (BM NN&VHVN)	378																						
28	**FLF1006**	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	QH2022, QH2021 ngoài khoa Pháp, Đức	Tiểu luận (Thầy Văn K.Pháp)	112																						
29	**FLF1010**	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	QH2022, QH2021	Thuyết trình cuối khoá (final Pitching) BM Khai Phóng, Cô Dung SPTA																							
31	**FLF1052**	Tư duy hình ảnh	3	QH2022 Các khoa ngoài khoa SPTA	Thuyết trình cuối khóa (BM khai phóng)																							
32	**FLF1056**	Tư duy phê phán	3	QH2022	Thuyết trình (Cô Việt Hương SPTA)	76																						
33	**FLF1009**	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	QH2022	Bài tập dự án (GV ULIS)	543																						
34	**FLF1004**	Văn hóa các nước ASEAN (lớp học tiếng Anh)	2	Khoa SPTA	Khoa CNNTA xây dựng lịch thi cho sv																							
35	**FLF1057**	Văn hóa các nước ASEAN (lớp học tiếng Việt)	3	QH2022 ngoài khoa SPTA	Tiểu luận (BM NN&VHCN ĐNA)	176																						
36	**ENG2045*****	Văn hóa và chính trị trong kinh doanh	3	QH2020 CLCTT23 Anh, Pháp, Đức	Tiểu luận (BMKT)																							
37	**ENG2044*****	Văn minh Phương Tây	3	QH2021 CLCTT23 Anh, Pháp, Đức	Tiểu luận (BMKT)